TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **54**/2019/QĐST-HNGĐ	*Thanh Ba, ngày 26 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 69/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa :

Nguyên đơn: Anh **Trần Văn T** – sinh năm 1991.

HKTT: Khu 5 xã C – huyện T – tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Phạm Thị T** – sinh năm 1994.

HKTT: Khu 5 xã C – huyện T – tỉnh Phú Thọ.

Hiện ở tại: Tổ 30 – phường D – thành phố L – tỉnh Lào Cai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn T và chị Phạm Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Phạm Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên xác nhận có 2 con chung là Trần Uyên L – sinh ngày 29/01/2014 và Trần Uyên N – sinh ngày 09/11/2016. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị T. Hai bên thỏa thuận sau khi ly hôn anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị T số tiền là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/1 cháu/1 tháng, cả hai cháu là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng)*/1 tháng. Kể từ tháng 5/2019 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cấm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung , nợ chung, đất nông nghiệp, công sức đóng góp: Hai bên xác nhận không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Văn T nhận nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0001609 ngày 29/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba. Anh T đã nộp đủ án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Ba;
- UBND xã C;
- Chi cục THA huyện Thanh Ba;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Vũ